

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2020 so với năm 2019 chi tiết như sau:

### I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	5,659,594,518,666	5,562,762,994,808	96,831,523,858	1.7
11	Giá vốn hàng bán	3,695,766,493,820	3,650,651,586,771	45,114,907,049	1.2
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	1,963,828,024,846	1,912,111,408,037	51,716,616,809	2.7
21	Doanh thu hoạt động tài chính	40,073,177,690	26,341,074,370	13,732,103,320	52.1
22	Chi phí tài chính	92,877,592,099	68,019,078,673	24,858,513,426	36.5
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	76,985,258,575	59,995,756,140	16,989,502,435	28.3
24	Phần lãi trong c.ty liên kết, liên doanh	-	-	-	
25	Chi phí bán hàng	160,513,261,846	154,062,211,849	6,451,049,997	4.2
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	71,482,375,291	62,394,397,089	9,087,978,202	14.6
31	Thu nhập khác	1,552,175,940	1,447,542,683	104,633,257	7.2
32	Chi phí khác	12,625,030,979	2,761,669,460	9,863,361,519	357.2
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,667,955,118,261	1,652,662,668,019	15,292,450,242	0.9
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	242,123,826,716	242,548,054,943	(424,228,227)	(0.2)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2,588,472,166)	-	(2,588,472,166)	
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,428,419,763,711	1,410,114,613,076	18,305,150,635	1.3



## II. Chi tiết và nguyên nhân các chỉ tiêu biến động

Với nền tảng bền vững và tinh thần "thích ứng nhanh, chuyển đổi kịp thời", năm 2020, trong bối cảnh ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19, Vicostone đã vượt qua thách thức, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng nhẹ về doanh thu và lợi nhuận trước thuế, cơ bản hoàn thành kế hoạch theo kịch bản thận trọng, cụ thể từng chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 96,831,523,858 đồng (1.7%), chủ yếu tăng ở quý cuối năm.

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 45,114,907,049 đồng (1.2%), Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 51,716,616,809 đồng (2.7%) so với cùng kỳ năm trước do doanh thu bán hàng tăng

3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 13,732,103,320 (52.1%), chủ yếu do:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 3,518,278,117 đồng (165.6%)
- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 9,737,403,705 đồng (40.5%)

4. Chi phí tài chính tăng 24,858,513,426 đồng (36.5%) trong đó:

- Lãi tiền vay tăng 16,989,502,435 đồng (28.3%)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 7,869,010,991 đồng (98.1%)

5. Chi phí bán hàng tăng 6,451,049,997 đồng (4.2%), trong đó:

- Chi phí vật liệu, dụng cụ tăng: 950,090,032 đồng (4.1%)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng: 4,083,869,727 đồng (3.8%)
- Chi phí bán hàng khác tăng: 4,565,257,101 đồng (37.57%)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 9,087,978,202 đồng (14.6%) chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài tăng.

Như vậy, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 15,292,450,242 đồng (0.9%) và Lợi nhuận sau thuế tăng 18,305,150,635 đồng (1.3%) so với năm trước chủ yếu là do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính tăng.

Xin chân thành cảm ơn.

**Nơi nhận:** *shg*

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



*shg*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Anh Tuấn*

